

CẬP NHẬT KQKD

NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN THƯƠNG TÍN (HSX: STB)

Đinh Kiến Vương
Chuyên viên phân tích

TPHCM, NGÀY 24 THÁNG 01 NĂM 2025

- **Q4/2024, tín dụng STB tăng được khoảng 12% YTD, có cải thiện so với quý 3 tuy nhiên mức tăng là rất yếu so với cả ngành.** Tuy nhiên mức tăng này cũng khá đồng đều so với các năm trước khi thông thường hàng năm STB chỉ tăng trưởng cho vay được khoảng 12-14% do bị giới hạn hạn mức khi ngân hàng này vẫn đang trong diện tái cơ cấu
- Về phía huy động, **STB giữ mức tiền gửi khách hàng & giấy tờ có giá đi ngang so với quý 3.** Do nhu cầu cho vay thấp, ngân hàng cũng không gặp nhiều áp lực phải tăng trưởng huy động & phát hành giấy tờ có giá. **CASA tiếp tục đi ngang ở mức 18% so với quý trước.**
- **Đáng chú ý, nợ xấu của ngân hàng tiếp tục giữ quanh mức cao 2.4%,** cho thấy nợ xấu của ngân hàng không giảm như kỳ vọng. Điều này cũng trái với xu hướng của ngành khi đa số các ngân hàng đều giảm nợ xấu hình thành mới
- **Tiến độ xử lý trái phiếu VAMC và đề án tái cơ cấu của ngân hàng vẫn chưa có tiến triển gì mới.**

	Q1/2022	Q2/2022	Q3/2022	Q4/2022	Q1/2023	Q2/2023	Q3/2023	Q4/2023	Q1/2024	Q2/2024	Q3/2024	Q4/2024
Cho vay khách hàng (hợp nhất)	413,028	414,562	420,748	438,628	448,469	460,471	472,073	482,731	500,408	516,635	525,493	539,315
<i>Tăng trưởng (YTD)</i>	6.5%	6.9%	8.5%	13.1%	2.2%	5.0%	7.6%	10.1%	3.7%	7.0%	8.9%	11.7%
Tiền gửi khách hàng (hợp nhất)	457,792	456,418	457,890	454,740	478,789	501,583	507,833	510,744	533,358	549,184	566,724	566,882
<i>Tăng trưởng (YTD)</i>	7.1%	6.8%	7.1%	6.4%	5.3%	10.3%	11.7%	12.3%	4.4%	7.5%	11.0%	11.0%
Phát hành giấy tờ có giá (hợp nhất)	20,589	22,066	26,674	25,820	25,857	29,067	27,099	28,992	31,829	37,855	34,707	36,754
<i>Tăng trưởng (YTD)</i>	-2.4%	4.6%	26.4%	22.3%	0.1%	12.6%	5.0%	12.3%	9.8%	30.6%	19.7%	26.8%
Tiền gửi & cho vay TCTD khác (hợp nhất)	13,222	17,877	18,024	25,294	31,349	38,193	46,344	50,333	56,986	71,386	60,285	88,241
Huy động & vay TCTD khác (hợp nhất)	17,661	14,376	17,693	28,430	24,549	18,123	29,634	37,950	40,647	51,334	32,209	70,655
 CASA	22.93%	22.58%	21.37%	19.20%	17.37%	16.98%	17.32%	18.60%	18.55%	18.80%	17.67%	18.31%
Nợ nhóm 2	0.41%	0.39%	0.38%	1.25%	0.94%	1.16%	0.71%	0.73%	0.85%	0.70%	0.72%	0.77%
NPL	1.28%	1.27%	0.90%	0.98%	1.19%	1.79%	2.20%	2.28%	2.28%	2.43%	2.47%	2.40%
Tỷ lệ bao nợ xấu	134.15%	138.38%	153.66%	130.97%	103.85%	77.10%	64.21%	68.85%	72.51%	69.75%	75.04%	68.43%

- **Thu nhập lãi thuần STB đạt hơn 6 nghìn tỷ trong quý 4 (+8.3% YoY)**, và giảm nhẹ so với quý trước. **Thu nhập lãi suy giảm chủ yếu do NIM giảm mạnh trong quý (25 điểm cơ bản)** khi COF gia tăng theo lãi suất huy động (+13 điểm cơ bản) và YEA tiếp tục giảm trong bối cảnh các ngân hàng hạ lãi suất để cạnh tranh cho vay (-16 điểm cơ bản)
- **Thu nhập dịch vụ của ngân hàng có mức tăng mạnh lên 964 tỷ (+64% YoY)** và cũng tăng khoảng 30% so với quý trước. Đây cũng là mức cao trong 2 năm trở lại đây. **Thu nhập khác tiếp tục giữ ổn định quanh mức 300 tỷ.**
- **Chi phí hoạt động của ngân hàng giảm nhẹ trong quý và giữ ở mức thấp khi mà chi phí lương cho nhân viên giảm mạnh**, giúp CIR hạ xuống 42.5%
- **Dự phòng của ngân hàng dương trong kỳ khi STB hoàn nhập khoảng hơn 600 tỷ dự phòng.**
- **Như vậy, lợi nhuận trước thuế của ngân hàng đạt 4,626 tỷ (+68% YoY) nhưng chủ yếu đến từ việc hoàn nhập dự phòng & giảm chi phí lương cho nhân viên**, mà theo chúng tôi là không bền vững. **Kết quả kinh doanh của ngân hàng vẫn rất kém so với các ngân hàng lớn khác** khi mà tín dụng tăng chậm, nợ xấu cao, NIM suy giảm mạnh. Ngoài ra, phần bán KCN Phong Phú mà ngân hàng dự định ghi nhận trong năm vẫn chưa xuất hiện.
- **Hiện tại định giá của ngân hàng đã ở mức P/B 1.3x, là mức định giá cao so với quá khứ** khi thị trường phản ánh kỳ vọng ghi nhận những khoản thu đột biến từ đề án tái cơ cấu. Tuy nhiên với việc đề án tiếp tục chậm tiến độ, kết quả kinh doanh kém, **chúng tôi cho rằng mức định giá hiện tại đã phù hợp, có phần cao và không khuyến nghị mua mới**

	Q1/2022	Q2/2022	Q3/2022	Q4/2022	Q1/2023	Q2/2023	Q3/2023	Q4/2023	Q1/2024	Q2/2024	Q3/2024	Q4/2024
Thu nhập lãi thuần (NII)	2,739	2,602	5,762	6,043	5,837	5,751	4,851	5,633	5,951	6,117	6,365	6,099
<i>Tăng trưởng NII (YoY)</i>	-8.9%	-17.3%	73.9%	142.2%	113.1%	121.0%	-15.8%	-6.8%	2.0%	6.3%	31.2%	8.3%
Thu nhập dịch vụ (NFI)	1,536	1,741	1,031	886	658	654	720	586	578	681	756	964
<i>Tăng trưởng NFI (YoY)</i>	83.4%	85.9%	74.9%	-55.2%	-57.1%	-62.4%	-30.2%	-33.9%	-12.2%	4.1%	5.1%	64.4%
Thu nhập khác	850	1,786	261	903	305	332	356	489	346	357	117	347
<i>Tăng trưởng thu nhập khác (YoY)</i>	183.8%	170.0%	-11.8%	542.3%	-64.1%	-81.4%	36.6%	-45.8%	13.2%	7.6%	-67.2%	-29.0%
Tổng thu nhập hoạt động (TOI)	5,125	6,129	7,054	7,833	6,800	6,737	5,927	6,708	6,875	7,154	7,238	7,410
<i>Tăng trưởng TOI (YoY)</i>	23.6%	29.1%	68.0%	69.7%	32.7%	9.9%	-16.0%	-14.4%	1.1%	6.2%	22.1%	10.5%
Chi phí hoạt động	-2,832	-2,390	-3,097	-2,646	-3,416	-3,049	-3,015	-3,410	-3,543	-4,001	-3,288	-3,151
CIR	55.3%	39.0%	43.9%	33.8%	50.2%	45.3%	50.9%	50.8%	51.5%	55.9%	45.4%	42.5%
Lãi thuần trước chi phí dự phòng (PPOP)	2,293	3,740	3,957	5,187	3,384	3,688	2,912	3,299	3,332	3,153	3,950	4,259
Chi phí dự phòng	-705	-2,420	-2,425	-3,288	-1,002	-1,316	-827	-544	-678	-465	-1,199	367
Lãi (lỗ) ròng trước thuế (PBT)	1,589	1,319	1,532	1,899	2,383	2,373	2,085	2,755	2,654	2,688	2,752	4,626
<i>Tăng trưởng PBT (YoY)</i>	58.9%	-7.4%	85.8%	65.0%	49.9%	79.9%	36.1%	45.1%	11.4%	13.3%	32.0%	67.9%
COF annualized (*)	3.96%	3.74%	3.91%	4.69%	6.16%	6.62%	6.32%	5.64%	4.41%	4.02%	3.86%	3.97%
YEA annualized (*)	5.98%	5.54%	8.02%	8.78%	9.81%	9.98%	8.92%	8.70%	7.69%	7.24%	7.15%	6.99%
NIM annualized (*)	2.19%	2.00%	4.34%	4.41%	4.12%	3.91%	3.17%	3.58%	3.67%	3.58%	3.63%	3.38%
Credit cost annualized (*)	0.70%	2.34%	2.32%	3.06%	0.90%	1.16%	0.71%	0.46%	0.55%	0.37%	0.92%	-0.28%

(*) Quý hiện tại x4/ Trung bình 2 quý gần nhất

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được cung cấp bởi TCSC dựa vào các nguồn thông tin mà TCSC coi là đáng tin cậy, có sẵn và mang tính hợp pháp. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tính chính xác hay đầy đủ của các thông tin này.

Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này cần lưu ý rằng các nhận định trong báo cáo này mang tính chất chủ quan của chuyên viên phân tích TCSC. Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

TCSC có thể dựa vào các thông tin trong báo cáo này và các thông tin khác để ra quyết định đầu tư của mình mà không bị phụ thuộc vào bất kỳ ràng buộc nào về mặt pháp lý đối với các thông tin đưa ra.

Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này. Các thông tin có liên quan đến chứng khoán khác hoặc các thông tin chi tiết liên quan đến cổ phiếu này có thể được xem tại hoặc sẽ được cung cấp khi có yêu cầu chính thức.

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

PHẠM HOÀNG ÂN

Phó phòng phân tích

(028) 38 27 05 27, ext 8700

An.ph@tcsc.vn

PHẠM TIẾN THẮNG

Chuyên viên phân tích

Bán lẻ, F&B, Logistics & CNTT

(028) 38 27 05 27, ext 8702

Thang.pt@tcsc.vn

ĐINH KIẾN VƯƠNG

Chuyên viên phân tích

Ngân hàng & Kinh tế vĩ mô

(028) 38 27 05 27, ext 8705

Vuong.dk@tcsc.vn

NGUYỄN PHƯƠNG TIẾN PHÁT

Chuyên viên phân tích

Dệt may, Hóa chất, Gỗ & Thủy sản

(028) 38 27 05 27, ext 8701

Phat.npt@tcsc.vn

ĐỖ HOÀNG PHÚC

Chuyên viên phân tích

Vật liệu xây dựng

(028) 38 27 05 27, ext 8407

Phuc.dh@tcsc.vn

TRẦN MINH QUÂN

Nhân viên phân tích

Dầu khí

(028) 38 27 05 27, ext 8704

Quan.tm@tcsc.vn

TRẦN ANH KHOA

Nhân viên phân tích

Bán lẻ

(028) 38 27 05 27, ext 8706

Khoa.ta@tcsc.vn

TRẦN LỰC

Nhân viên phân tích

Vận tải, cảng biển & mía đường

(028) 38 27 05 27, ext 8703

Luc.t@tcsc.vn